# Quan hệ thương mại hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2008-2018: thực trạng và những vấn đề đặt ra

Nguyễn Thị Thủy
Lê Thị Hương
Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Đối với Việt Nam, việc phát triển quan hệ thương mại với Trung Quốc chẳng những phù hợp với đường lối đối ngoại của nước ta "mong muốn làm bạn với các nước", mà còn phục vụ chiến lược phát triển nhằm tạo môi trường hòa bình ổn định, góp phần giữ vững an ninh và tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới đất nước. Trong quan hệ thương mại Việt Nam — Trung Quốc, quan hệ TMHH đã có từ rất lâu và chiếm tỷ trọng lớn, chi phối quy mô và mang lại giá trị kinh tế cao. TMHH Việt Nam — Trung Quốc đã giúp Việt Nam tận dụng được những lợi thế trong sản xuất hàng hoá như nguồn lao động dồi dào về cả số lượng và chất lượng với số dân trong độ tuổi lao động khá đông chiếm tới trên 50% dân số.

## 1. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại Việt Nam – Trung Quốc 2000 - 2018

Mậu dịch xuất nhập khẩu Việt Nam — Trung Quốc có vai trò quan trọng trong mối quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước. Và sau hơn 25 năm, kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao, tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với Trung Quốc đã tăng rất mạnh, từ mức 37,7 triệu USD năm 1991lên tới 2,94 tỷ USD năm 2000 (tăng hơn 78 lần trong vòng 10 năm), đến 2010 là 27,33 tỷ USD và đến 2018 thì con số này là 106,69 tỷ USD.

**Bảng 1: Kim ngạch XNK Việt Nam –Trung Quốc giai đoạn 2000 - 2018**
*(Đơn vị: Tỷ USD)*

| Năm | Tổng KN XNK Việt -Trung | Kim Ngạch XK từ VN sang TQ | Kim Ngạch NK từ TQ của VN | CCTM VN - TQ |
|---|---|---|---|---|
| 2000 | 2,94 | 1,54 | 1,40 | 0,14 |
| 2001 | 3,03 | 1,42 | 1,61 | -0,19 |
| 2002 | 3,68 | 1,52 | 2,16 | -0,64 |
| 2003 | 5,02 | 1,88 | 3,14 | -1,26 |
| 2004 | 7,5 | 2,90 | 4,60 | -1,70 |
| 2005 | 9,13 | 3,23 | 5,90 | -2,67 |
| 2006 | 10,63 | 3,24 | 7,39 | -4,15 |
| 2007 | 16,36 | 3,65 | 12,71 | -9,06 |
| 2008 | 20,82 | 4,85 | 15,97 | -11,12 |
| 2009 | 21,84 | 5,40 | 16,44 | -11,04 |
| 2010 | 27,33 | 7,31 | 20,02 | -12,71 |
| 2011 | 35,72 | 11,13 | 24,59 | -13,47 |
| 2012 | 41,18 | 12,39 | 28,79 | -16,40 |
| 2013 | 49,90 | 13,10 | 36,80 | -23,70 |
| 2014 | 58,50 | 14,80 | 43,70 | -28,90 |
| 2015 | 66,62 | 17,10 | 49,52 | -32,42 |
| 2016 | 72,00 | 21,96 | 50,04 | -28,08 |
| 2017 | 93,69 | 35,46 | 58,23 | -22,77 |
| 2018 | 106,69 | 41,26 | 65,43 | -24,17 |

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam*

Nhìn vào số liệu bảng 1 cho ta thấy, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam — Trung Quốc không ngừng tăng nhanh, năm sau cao hơn năm trước nhưng tốc độ tăng không đồng đều. Trong giai đoạn 2000 — 2005, kim ngạch hai chiều tăng 6,19 tỷ USD, trung bình mỗi năm tăng hơn 1 tỷ USD. Từ năm 2005 — 2010, kim ngạch 2 chiều tăng 18,2 tỷ USD, trung bình mỗi năm tăng 3,6 tỷ USD. Giai đoạn 2010 — 2015, kim ngạch 2 chiều tăng 39,29 tỷ USD, trung bình mỗi tăng tăng 7,85 tỷ USD. Giai đoạn 2015 — 2018, trong vòng có 3 năm nhưng kim ngạch 2 chiều đã tăng lên 40,07 tỷ USD và trung bình mỗi năm tăng 13,35 Tỷ USD. Tính từ 2000 — 2018 thì kim ngạch 2 chiều Việt — Trung đã tăng lên 103,75 tỷ USD, trung bình mỗi năm tăng 5,76 tỷ USD. Còn tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000 — 2018 đã tăng 450,66 tỷ USD, trung bình mỗi năm tăng 25,03 tỷ USD. Con số này đã chứng minh rằng Trung Quốc đã, đang và sẽ vẫn là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam với rất nhiều con số kỷ lục về chỉ số xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa.

Trong những năm gần đây, bất chấp nền kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt vô vàn khó khăn và đà tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đang chậm dần, nhưng quan hệ thương mại hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc vẫn tiếp tục gia tăng mạnh mẽ. Giai đoạn 2000 — 2018, trong vòng 18 năm thì chỉ có duy nhất năm 2000 Việt Nam xuất siêu, còn lại 17 năm là nhập siêu. Có thể nói, cùng với thời gian, đây đang trở thành một mối lo thực sự khi mức độ phụ thuộc của thương mại Việt Nam đối với Trung Quốc đang ngày càng lớn hơn.

**Hình 1: Cán cân thương mại giữa Việt Nam với Trung Quốc và 1 số đối tác thương mại lớn khác trong giai đoạn 2012-2018**

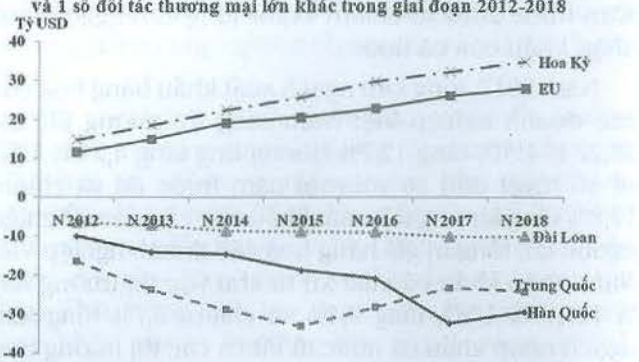

## 2. Kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc và những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc

Là một thị trường liền kề, có chung đường biên trên bộ dài trên 1.000 km, lại có nền kinh tế phát triển và một thị trường xấp xỉ 1,4 tỷ dân với đòi hỏi về chất lượng hàng hóa không quá khắt khe, nên Việt Nam mong muốn xuất nhập khẩu nhiều với Trung Quốc là tất yếu. Trong chiều xuất khẩu, với lợi thế của mình Việt Nam đã tập trung xuất khẩu sang Trung Quốc 4 nhóm hàng chính, với khoảng 100 mặt hàng là:

- Nhóm nguyên nhiên liệu: dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu,...

- Nhóm nông sản: lương thực (gạo, sắn khô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều

- Nhóm thuỷ sản: thuỷ sản tươi sống, thuỷ sản đông lạnh, một số đặc sản như: rắn, rùa, ba ba,...

- Nhóm hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo,...

Trong đó, riêng nhóm hàng nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 31,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc và 20,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Cùng với thời gian và nỗ lực của các tổ chức và doanh nghiệp có liên quan, cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đã có cải thiện theo chiều hướng tích cực. Nếu trong giai đoạn 2000 - 2006, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nhóm hàng xăng dầu và các hàng hóa sơ chế (87,5%, gồm lương thực, thực phẩm sơ chế và công nghiệp trung gian sơ chế), thì trong giai đoạn 2010 — 2015, nhóm hàng này đã giảm còn khoảng 30,0%. Đồng thời, các nhóm hàng qua chế biến, hàng hóa thâm dụng vốn nhiều hơn xuất sang Trung Quốc đã có sự tăng trưởng tốt về giá trị và cũng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam . Tuy vậy, xét về hàm lượng công nghệ hàng xuất khẩu của Việt Nam, mặc dù có cải thiện song hàm lượng công nghệ trong xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc vẫn chậm được cải thiện và vẫn thua kém phần lớn các nước trong khu vực.

**Bảng 2: 10 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc năm 2018**

| STT | Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc | Đơn vị tính | |
|---|---|---|---|
| | | Lượng (Tấn) | Trị giá (nghìn USD) |
| 1 | Điện thoại và các linh kiện | | 9.375.135 |
| 2 | Máy vi tính và linh kiện | | 8.363.669 |
| 3 | Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện | | 2.801.052 |
| 4 | Hàng rau quả | | 2.783.769 |
| 5 | Xơ, sợi dệt các loại | | 2.216.215 |
| 6 | Sắn và các sản phẩm từ sắn | 2.148.531 | 844.318 |
| 7 | Giầy dép các loại | | 1.823.372 |
| 8 | Cao su | 1.042.165 | 1.371.663 |
| 9 | Gỗ và sản phẩm từ gỗ | | 1.072.353 |
| 10 | Hóa chất | | 493.272 |

## 3. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc và những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Trung Quốc

Ở chiều nhập khẩu, những hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc lại tập trung vào nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo là chính, trong đó có 9 nhóm hàng thường đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD như: máy móc thiết bị, phụ tùng; sắt thép các loại; điện thoại các loại và linh kiện; hóa chất; sản phẩm từ chất dẻo; ô tô các loại; vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may da giày. Riêng trong năm 2013, nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ đã chiếm khoảng 18% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc; tiếp theo là nhóm nguyên phụ liệu dệt may da giày chiếm 15%; nhóm điện thoại các loại và linh kiện chiếm 15%; nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 12%; nhóm sắt thép các loại và sản phẩm chiếm 9%; còn lại là các nhóm hàng hóa khác.

Trong năm 2018 thì những mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc cũng không có gì thay đổi nhiều so với giai đoạn trước, dẫn đầu các mặt hàng đó vẫn là: máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; điện thoại và các linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; vải các loại... và đây đều là những mặt hàng nhập siêu với con số trên tỷ USD. Với cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu hai chiều mang đậm đặc trưng của mối quan hệ thương mại giữa một nước phát triển và kém phát triển như vậy, Việt Nam nhập siêu và phụ thuộc nặng nề vào nhập khẩu từ Trung Quốc là tất yếu và khả năng trong các năm tới có thể vẫn ở mức cao.

**Bảng 3: 10 mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2018**

| STT | Những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Trung Quốc | Đơn vị tính | |
|---|---|---|---|
| | | Lượng (Tấn) | Trị giá (nghìn USD) |
| 1 | Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác | | 12.024.959 |
| 2 | Điện thoại và các linh kiện | | 8.581.992 |
| 3 | Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | | 7.829.071 |
| 4 | Vải các loại | | 7.098.097 |
| 5 | Sắt thép các loại | 6.270.424 | 4.497.200 |
| 6 | Sản phẩm từ chất dẻo | | 2.060.839 |
| 7 | Hóa chất | | 1.589.327 |
| 8 | Sản phẩm từ sắt thép | | 1.581.067 |
| 9 | Xơ, sợi dệt các loại | | 1.233.662 |
| 10 | Phân bón các loại | | 1.610.192 |

## 4. Một số vấn đề đặt ra trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn tới

Từ những thành tựu và hạn chế trong phát triển quan hệ TMHH giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể nêu lên một số vấn đề đối với quá trình này như sau:

Thứ nhất, Trung Quốc là một nư¬ớc lớn, đang phát triển rất nhanh và có sức thu hút toàn cầu. Sự phát triển của Trung Quốc là cơ hội phát triển cho Việt Nam. Việt Nam phải cải cách, phát triển nhanh mới tận dụng được cơ hội này. Chậm trễ thì nguy cơ tụt hậu càng cao và càng tụt hậu càng khó hợp tác, càng nhiều bất lợi.

Thứ hai, Trung Quốc là một công xư¬ởng lớn, là nơi tập trung các công ty và tập đoàn lớn của thế giới, là mạng kết nối toàn cầu. Muốn hợp tác hiệu quả với Trung Quốc, Việt Nam phải tìm cách thâm nhập vào hệ thống kinh doanh toàn cầu, chuỗi giá trị toàn cầu, lựa chọn những ưu thế của mình để phát triển. Giải pháp là thu hút đầu t¬ư từ các công ty hàng đầu thế giới.

Thứ ba, Trung Quốc có tiềm lực kinh tế hùng mạnh, có năng lực cạnh tranh vượt trội so với Việt Nam, vì vậy cần coi Trung Quốc là một thị trường hơn là đối thủ cạnh tranh, từ đó tranh thủ sự phát triển và đặc thù thị trường để hợp tác kinh tế thư¬ơng mại. Những lợi thế của Việt Nam về địa kinh tế và chính trị cần được tận dụng triệt để. Hợp tác thay cho cạnh tranh, đối đầu, phòng thủ.

Thứ tư, hợp tác với Trung Quốc cần tính đến lợi ích th¬ương mại với các đối tác khác. Không vì lợi ích ngắn hạn tại Trung Quốc mà bỏ mất cơ hội ở các thị trường khác. Phải xây dựng chiến lược đối tác thư¬ơng mại lâu dài và linh hoạt.

Thứ năm, trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam cần tính đến lợi ích tổng thể để có sự phối hợp hành động. Chạy theo lợi ích ngắn hạn, cục bộ sẽ bị thiệt thòi với Trung Quốc, ở vào thế bị động, đánh mất cơ hội dài hạn.

Thứ sáu, phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, bảo vệ môi trường...

## 5. Các giải pháp nhằm cải thiện quan hệ thương mại của Việt Nam với Trung Quốc trong thời gian tới

### 4.1. Nhóm giải pháp trước mắt

Để nhanh chóng cải thiện CCTM giữa Việt Nam - Trung Quốc, trước mắt chúng ta cần nhanh chóng thực hiện một số giải pháp sau:

- Rà soát lại tất cả các nhóm hàng hóa nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở mức thuế đã được cam kết giữa hai nước, Việt Nam trước mắt nhanh chóng điều chỉnh kịp thời một số loại hàng hóa mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc có mức thuế thấp hơn so với mức đã cam kết, với giải pháp này có thể mang lại kết quả cải thiện CCTM trong thời kỳ tới.

- Cần quản lý chặt chẽ hơn việc mua bán, trao đổi hàng hóa tại các cửa khẩu biên giới ViệtTrung.

- Trong lúc chúng ta chưa có ngay một số tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số hàng hóa của Trung Quốc vào nước ta, trước mắt chúng ta áp dụng ngay tiêu chuẩn kỹ thuật của một số nước trong khối ASEAN như Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Singapore,... để nhanh chóng hạn chế một số hàng của Trung Quốc chưa đảm bảo chất lượng nhập khẩu vào nước ta.

### 4.2. Nhóm giải pháp lâu dài

- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc trên cơ sở khai thác lợi thế của Việt Nam, đặc biệt khuyến khích xuất khẩu chính ngạch và các mặt hàng chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao.

+ Hoàn thiện và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với công nghệ nhập khẩu để hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ;

+ Giám định chặt chẽ chất lượng hàng nhập khẩu đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất, lưu thông trên thị trường nội địa;

+ Trong chiến lược nhập khẩu từ Trung Quốc cần lưu ý tránh nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho sản xuất không đúng mục đích, ảnh hưởng xấu tới các ngành sản xuất trong nước; giảm rồi tiến đến cấm nhập những hàng hóa máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, đưa lại hiệu quả thấp, gây ô nhiễm môi trường.

- Đồng thời với việc thúc đẩy xuất khẩu, Việt Nam cũng cần chú ý khai thác và phát triển bền vững thị trường trong nước: Phương thức hữu dụng nhất trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động hiện nay nước ta cần áp dụng là CNH hướng vào xuất khẩu và phát triển bền vững thị trường trong nước. Từ cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu năm 2008 và sự bất ổn kinh tế của nhiều quốc gia đã cho thấy chính sách khuyến khích tiêu dùng, kích cầu tiêu dùng là con đường phát triển bền vững, ổn định.

## 6. Kết luận

Trung Quốc đang và tiếp tục là đối tác chiến lược thương mại quan trọng nhất của Việt Nam. Kim ngạch buôn bán song phương không ngừng tăng qua các năm, đặc biệt từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO. Qua nghiên cứu thực trạng quan hệ thương mại hai nước từ năm 2000 - 2018, có thể nhận thấy tình trạng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc đang diễn ra ở mức báo động và Việt Nam đang bị phụ thuộc ngày càng nghiêm trọng vào thị trường Trung Quốc. Việc Trung Quốc chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa vào nhập khẩu kích cầu nội địa cũng là một nhân tố mới giúp Việt Nam cải thiện quan hệ thương mại song phương nếu các doanh nghiệp Việt Nam biết nắm bắt cơ hội này để đẩy mạnh xuất khẩu sang nước bạn các mặt hàng thế mạnh mà Trung Quốc có nhu cầu lớn./.

## Tài liệu tham khảo

Hoàng Thế Anh - Chủ biên (2012): Những vấn đề kinh tế - xã hội nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng đến 2020, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Lưu Ngọc Trịnh, 2015. Đề tài cấp cơ sở Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Giải pháp cải thiện cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc.

Hà Hồng Vân, 2015. Những đặc trưng cơ bản của quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1(161)/2015, tr.20.

Lê Danh Vĩnh - chủ biên (2012): Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 — 2020, Nxb Công Thương, Hà Nội.